

Số 310 -BC/TU

BÁO CÁO

Tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh

Thực hiện Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW, ngày 16/8/2022 và Công văn số 02-CV/BCĐTW của Ban Chỉ đạo tổng kết Nghị quyết số 23-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về việc tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh (*sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 23-NQ/TW*). Ban Thường vụ Tỉnh ủy báo cáo như sau:

Phần thứ nhất

KẾT QUẢ 20 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 23-NQ/TW

I. BỐI CẢNH TÌNH HÌNH THỜI ĐIỂM TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT SỐ 23-NQ/TW

1. Bối cảnh

Lâm Đồng là tỉnh miền núi Nam Tây Nguyên, có nhiều dân tộc, đồng bào có tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau, là nơi dân cư của nhiều địa phương trong cả nước đến sinh sống.

Từ khi thực hiện chủ trương, đường lối đổi mới năm 1986, Đảng bộ tỉnh đã cụ thể hóa, tổ chức thực hiện có hiệu quả nhiều chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội, về tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với Nhân dân, về đại đoàn kết toàn dân tộc,... Các hình thức tập hợp nhân dân của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội có bước phát triển mới. Nội dung hoạt động phong phú, thiết thực; xây dựng nhiều mô hình tiêu biểu trên các lĩnh vực đáp ứng lợi ích và tâm tư tình cảm của quần chúng nhân dân. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, tư tưởng và văn hóa; tạo ra thế và lực mới trong phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Mối quan hệ giữa các dân tộc, các tầng lớp nhân dân cũng như quan hệ giữa Đảng với Nhân dân, giữa nhân dân với chính quyền các cấp không ngừng được củng cố và ngày càng mật thiết hơn. Nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng,

sự quản lý, điều hành của chính quyền, tin tưởng vào thành công của sự nghiệp đổi mới.

2. Tình hình khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên địa bàn

Năm 2003, tỉnh Lâm Đồng có 09 huyện, 01 thành phố, 01 thị xã với dân số 1,1 triệu người, đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) có khoảng 253.000 người, chiếm khoảng 23% dân số toàn tỉnh (*trong đó có 170.000 người đồng bào DTTS gốc Tây Nguyên, chiếm 15%*). Đồng bào có đạo có khoảng 715.000 người, chiếm 65% dân số. Có 5.633 hộ có quan hệ với người Việt Nam ở nước ngoài.

Đội ngũ công nhân có trên 42.200 người hoạt động chủ yếu trong các doanh nghiệp nhà nước; trình độ tay nghề tuy được nâng lên nhưng còn rất chậm, tỷ lệ công nhân chưa đào tạo còn nhiều. Nông dân chiếm số lượng lớn trong dân số toàn tỉnh, là lực lượng đông đảo trong xã hội, có nhiều đóng góp quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội. Đội ngũ trí thức có khoảng 15.000 người, hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, y tế, quản lý nhà nước. Tính đến hết năm 2003, tỉnh Lâm Đồng còn thiếu cán bộ nghiên cứu đầu ngành, các chuyên gia giỏi, nhất là các chuyên gia về phát triển kinh tế - xã hội. Hội viên Cựu chiến binh có khoảng 13.576 hội viên/15.230 cựu chiến binh, sinh hoạt tại 142/142 xã, phường, thị trấn và 38 cơ quan đơn vị; Cựu chiến binh luôn là lực lượng quan trọng, chỗ dựa tin cậy và vững chắc cho hệ thống chính trị. Người cao tuổi chiếm khoảng 10% dân số, được tập hợp và sinh hoạt trong các tổ chức hội người cao tuổi ở địa bàn dân cư. Lực lượng thanh niên có 56.822 đoàn viên và 66.840 hội viên. Thanh niên tỉnh Lâm Đồng được bồi dưỡng chính trị, lý tưởng cách mạng, kiên định với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước. Hội viên phụ nữ toàn tỉnh có hơn 87.000 hội viên (*4.753 hội viên là người DTTS*), đa số các hội viên Hội phụ nữ phát huy truyền thống cách mạng, tích cực tham gia các hoạt động xã hội.

Đại bộ phận nhân dân tin tưởng vào đường lối đổi mới của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tích cực thực hiện cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư*” và các phong trào giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, từ thiện nhân đạo, thi đua lao động sản xuất, phát triển y tế, giáo dục, phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo vệ an ninh Tổ quốc. Khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong tỉnh ngày càng được củng cố, mở rộng. Cộng đồng các dân tộc, tôn giáo, các thành phần xã hội và những cá nhân tiêu biểu có tinh thần đoàn kết gắn bó, tương thân tương ái, giúp nhau trong cuộc sống. Liên minh công nhân - nông dân - trí thức được củng cố, tăng cường. Cấp ủy, chính quyền các cấp chú trọng công tác dân vận, mở rộng dân chủ ở cơ sở và tích cực chăm lo xây dựng kinh tế, ổn định đời sống nhân dân. MTTQ Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên tiếp tục được mở rộng, nhiều tổ chức hội quần chúng mới được thành lập và tham gia làm thành viên Mặt trận. Thông qua công tác tuyên truyền, vận động tập hợp, đoàn kết, triển khai các phong trào, cuộc vận động, chăm lo lợi ích của đoàn viên, hội viên của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội thu hút sự tham gia ngày càng đông đảo, rộng rãi của các tầng lớp nhân dân.

Tuy nhiên, trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, khối đại đoàn kết toàn dân tộc đặt ra nhiều vấn đề: Chênh lệch giàu nghèo giữa các vùng, các dân tộc, các

giai tầng xã hội ngày càng lớn. Những mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, nhất là về tranh chấp đất đai chưa được giải quyết kịp thời, triệt để. Kỷ luật, kỷ cương có lúc, có nơi chưa nghiêm, trật tự, an toàn xã hội còn diễn biến phức tạp. Tình trạng quan liêu, tham nhũng, sách nhiễu, lãng phí của một số cán bộ, đảng viên chưa được đẩy lùi. Trong khi đó, các thế lực thù địch luôn ráo riết xuyên tạc, kích động chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, chống phá sự nghiệp cách mạng của Đảng và Nhân dân ta.

II. KẾT QUẢ 20 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ SỐ 23-NQ/TW

1. Khái quát tình hình

1.1. Tình hình kinh tế - xã hội của địa phương; những thuận lợi, khó khăn trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội

Kinh tế tỉnh tiếp tục phát triển qua các thời kỳ, tốc độ tăng trưởng ổn định, quy mô và chất lượng nền kinh tế được nâng lên. Sản xuất nông nghiệp duy trì tốc độ tăng trưởng cao và cao hơn bình quân chung của cả nước; ngành công nghiệp, xây dựng và lĩnh vực thương mại, dịch vụ tiếp tục phát triển; kim ngạch xuất khẩu tăng nhanh; lượng khách du lịch, nhất là khách quốc tế, khách qua lưu trú tăng khá.

Năng suất lao động, GRDP bình quân đầu người tăng nhanh, cao hơn bình quân chung cả nước (*GRDP bình quân đầu người năm 2021 đạt 65,9 triệu đồng/người, tăng gấp 17,8 lần so với năm 2002*). Thu nhập bình quân đầu người tăng mạnh (*từ 3,4 triệu đồng/người năm 2002 tăng lên 44,3 triệu đồng/người năm 2021*). Thu ngân sách hàng năm đều đạt và vượt so với chỉ tiêu Nghị quyết của Tỉnh ủy và HĐND tỉnh (*tổng thu ngân sách nhà nước năm 2021 đạt 11.009 tỷ đồng, tăng 21,8 lần so với năm 2002*)¹. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội năm 2021 đạt 27.365 tỷ đồng, gấp 19,2 lần so với năm 2002 (đạt 1.425 tỷ đồng)².

Văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ, an sinh, phúc lợi xã hội, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân không ngừng nâng lên. Đến tháng 9/2022, toàn tỉnh có 107/111 xã (96,4%) được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (*33 xã đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao, 09 xã đạt tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu*); thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; 05/10 huyện được công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

Quốc phòng, an ninh được giữ vững. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị được tiến hành toàn diện trên tất cả các mặt chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ. Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện và đạt được những kết quả tích cực. Niềm tin của nhân dân đối với Đảng, chính quyền không ngừng được củng cố. Khối Đại đoàn kết toàn dân tộc được tăng cường.

* Đánh giá những thuận lợi, khó khăn trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Thuận lợi: Tỉnh Lâm Đồng được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo, hỗ trợ, tạo điều kiện của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các Bộ, Ngành Trung ương... đối với các dự án, chương trình phát triển kinh tế - xã hội của

¹ Trong đó, thu ngân sách bình quân giai đoạn 2002-2005 đạt 823,47 tỷ đồng, giai đoạn 2006-2010 đạt 1.110,4 tỷ đồng (tăng 1.35 lần), giai đoạn 2011-2015 đạt 4.949 tỷ đồng (tăng 6 lần), giai đoạn 2016-2020 đạt 7.809 tỷ đồng (tăng 9,5 lần).

² Trong đó, bình quân giai đoạn 2002-2005 là 1.976 tỷ đồng, giai đoạn 2006-2010 là 6.817 tỷ đồng, giai đoạn 2011-2015 là 12.856 tỷ đồng, giai đoạn 2016-2020 là 21.721 tỷ đồng.

tỉnh. Đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng, nội dung Nghị quyết đại đoàn kết dân tộc là phù hợp, đáp ứng được đòi hỏi của các giai cấp, các tầng lớp xã hội. Hệ thống chính sách, pháp luật của Nhà nước ngày càng được bổ sung, hoàn thiện hơn, đáp ứng yêu cầu phát triển của đời sống xã hội. Các cấp ủy, chính quyền thường xuyên đổi mới công tác lãnh đạo, chỉ đạo theo hướng gần dân, sát dân, mang lại lợi ích cho nhân dân. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh hoạt động hiệu quả, tích cực, có nhiều tiến bộ trong công tác vận động quần chúng. Dân chủ cơ sở được phát huy, góp phần xây dựng quan hệ gắn bó giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân. Tiềm năng, lợi thế về đất đai, khí hậu của tỉnh được sử dụng, phát huy có hiệu quả. Nhân dân các dân tộc đoàn kết, gắn bó, giúp đỡ nhau trong xây dựng và phát triển; phát huy tính tự lực, tự cường,...

Khó khăn: Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đồng bộ, nhất là hệ thống giao thông kết nối liên vùng. Địa hình tự nhiên phức tạp, gây khó khăn cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân. Tình hình thời tiết, dịch bệnh diễn biến phức tạp, ảnh hưởng của dịch Covid - 19 tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tình trạng dân di cư tự do gây ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Một bộ phận cán bộ, đảng viên có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Trình độ, năng lực một bộ phận cán bộ, công chức chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

1.2. Đánh giá chung về tình hình, tư tưởng, tâm trạng của các tầng lớp nhân dân trên địa bàn

Nhìn chung, tình hình tư tưởng và thái độ chính trị của nhân dân các dân tộc trong tỉnh ổn định; thể hiện niềm tin và trách nhiệm của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước trong công cuộc đổi mới xây dựng đất nước. Nhân dân đồng thuận cao với những chủ trương, chính sách đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, nhất là những chính sách phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm; tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua yêu nước.

Dưới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, quản lý, điều hành của chính quyền các cấp, nhân dân các dân tộc trong tỉnh đồng thuận, tích cực thực hiện, đoàn kết, giúp đỡ, chia sẻ với nhau trong lao động, sản xuất phát triển kinh tế gia đình; động viên nhau tích cực thi đua lao động sản xuất. Nhờ đó, đời sống vật chất và tinh thần của các tầng lớp nhân dân ngày càng được nâng lên; khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức tiếp tục được củng cố và tăng cường, sức mạnh của toàn dân tộc được phát huy.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW

2.1. Lãnh đạo, chỉ đạo việc quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW

Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt quán triệt, triển khai Nghị quyết số 23-NQ/TW và lấy ý kiến góp ý vào dự thảo Nghị quyết triển khai Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa IX) về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn

dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh (*sau khi ban hành là Nghị quyết số 18-NQ/TU, ngày 28/5/2003 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy*). Đồng thời, chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc quán triệt Nghị quyết đến cán bộ, đảng viên và nhân dân (*có 669/669 tổ chức cơ sở đảng tổ chức học tập Nghị quyết*)³.

Sau khi Bộ Chính trị ban hành Kết luận số 57-KL/TW, ngày 03/11/2009 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; về công tác dân tộc; về công tác tôn giáo; Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy hướng dẫn việc tổ chức nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền Kết luận số 57-KL/TW đến cán bộ, đảng viên và nhân dân bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với từng nhóm đối tượng. Kết quả, có trên 90% cán bộ, đảng viên và nhân dân được học tập, quán triệt Nghị quyết, Kết luận.

Qua quán triệt, học tập, triển khai thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW và Kết luận số 57-KL/TW. Các cấp ủy, chính quyền và nhân dân nhận thức sâu, kỹ về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của việc củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, giữ vững độc lập, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

2.2. Lãnh đạo việc cụ thể hóa Nghị quyết bằng các nghị quyết, chỉ thị, chương trình, kế hoạch

Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 18-NQ/TU, ngày 28/5/2003 về chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; Kế hoạch số 72-KH/TU, ngày 03/3/2010 về thực hiện Kết luận số 57-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW. Ngoài ra, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội trong tình hình mới; chương trình hành động thực hiện nghị quyết, chỉ thị về xây dựng giai cấp công nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ, cựu chiến binh, trí thức, người cao tuổi, dân tộc, tôn giáo,...

UBND tỉnh tăng cường chỉ đạo việc đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có đạo. Tích cực chỉ đạo việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; công tác dân vận chính quyền trong các cơ quan nhà nước, cải cách hành chính. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về dân tộc, tôn giáo. Triển khai thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Trung ương Đảng, Tỉnh ủy về tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân, đội ngũ trí thức, giai cấp nông dân, về

³ Tổ chức 03 hội nghị quán triệt cho 280 lượt cán bộ chủ chốt cấp tỉnh và huyện; các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy tổ chức 24 hội nghị quán triệt cho 1.355 lượt cán bộ chủ chốt cấp xã và 1.002 lượt chức sắc, tôn giáo và 3.321 lượt cán bộ, đảng viên thuộc các tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể và trên 6.000 lượt cán bộ, đảng viên cấp xã; 710 lượt chức sắc, nhà tu hành các tôn giáo.

công tác thanh niên, công tác cựu chiến binh, công tác phụ nữ, công tác người cao tuổi, người Việt Nam ở nước ngoài,...

Đảng đoàn Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh xây dựng kế hoạch, chương trình thực hiện Nghị quyết, Kết luận. Đồng thời, coi công tác đoàn kết tập hợp đoàn viên, hội viên và nhân dân trong toàn tỉnh là nhiệm vụ quan trọng then chốt trong hoạt động hàng năm.

Các thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy triển khai thực hiện, xây dựng nghị quyết, chương trình hành động, kế hoạch thực hiện với mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phù hợp với đặc điểm tình hình, thực tiễn của địa phương, cơ sở.

2.3. Công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết

Năm 2005, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thành lập Đoàn kiểm tra (theo Quyết định số 882-QĐ/TU ngày 27/4/2005) để kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW đối với Đảng bộ thành phố Đà Lạt, huyện Đạ Huoai, Đức Trọng và 06 tổ chức cơ sở đảng. Năm 2008, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 23-KH/TU, ngày 04/7/2008 chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng thành lập các tổ kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết của đảng bộ cơ sở. Đồng thời, thành lập 03 Đoàn kiểm tra của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (theo Quyết định số 607-QĐ/TU, ngày 25/7/2008) đánh giá việc triển khai Nghị quyết ở một số Đảng bộ: Huyện ủy Cát Tiên, Đạ Tẻh, Bảo Lâm, Đơn Dương, Lâm Hà, Thị ủy Bảo Lộc⁴ và 08 tổ chức cơ sở đảng. Các thành ủy, thị ủy, huyện ủy, tổ chức đảng ở cơ sở thực hiện nghiêm túc công tác kiểm tra, giám sát theo quy định, chỉ đạo của Tỉnh ủy.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo, tổ chức sơ kết 02 năm thực hiện Nghị quyết vào năm 2005, ban hành các kế hoạch chỉ đạo sơ kết, tổng kết Nghị quyết như: Kế hoạch số 23-KH/TU, ngày 04/7/2008 về tổng kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, Kế hoạch số 72-KH/TU, ngày 01/3/2019 về tổng kết 10 năm thực hiện Kết luận số 57-KL/TW, ngày 03/11/2009 thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, Kế hoạch số 56-KH/TU, ngày 07/9/2022 về tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW vào năm 2022.

Nhìn chung, việc kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết thực hiện Nghị quyết, Kết luận được tiến hành từ cơ sở đến tỉnh, đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đúng thời gian quy định. Sau công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, các đơn vị, địa phương tiếp tục phát huy những kết quả trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Khắc phục những tồn tại, hạn chế; rút ra bài học kinh nghiệm từ thực tiễn triển khai Nghị quyết để đề ra nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Nghị quyết phù hợp với đặc điểm tình hình đơn vị, địa phương trong từng giai đoạn cách mạng.

3. Kết quả lãnh đạo thực hiện những chủ trương, giải pháp chủ yếu

3.1. Xây dựng những định hướng chính sách nhằm tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc

- Phát triển các thành phần kinh tế trên địa bàn; liên kết vùng, các giải pháp phát triển đối với vùng nghèo, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh chủ trương khuyến khích, tạo điều kiện

⁴ Thời điểm này Bảo Lộc đang là thị xã (chưa lên thành phố).

thuận lợi để các thành phần kinh tế phát triển bình đẳng, khai thác tối đa tiềm năng về nhân lực, vốn, công nghệ của các thành phần kinh tế tư nhân vào phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Quan tâm phát triển thành phần kinh tế cá thể, hộ gia đình (tràng trại); thành phần kinh tế hợp tác xã ở vùng khó khăn. Thực hiện tốt chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư vào địa bàn, hỗ trợ đào tạo nghề nâng cao năng lực quản lý, quản trị cho các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế; phát triển mạnh mẽ nền kinh tế nhiều thành phần, lấy phát triển kinh tế, nâng cao đời sống Nhân dân là nhiệm vụ trung tâm; gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái trong từng bước phát triển; đẩy mạnh xóa đói, giảm nghèo, khuyến khích làm giàu chính đáng.

Đến nay, toàn tỉnh có 09 doanh nghiệp nhà nước, 12.263 doanh nghiệp hoạt động, tổng vốn đăng ký trên 14.124,5 tỷ đồng và trên 116.445 lao động⁵, 109 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với 153 dự án, tổng vốn đầu tư đăng ký thực hiện dự án 672,7 triệu USD⁶. Kinh tế tập thể có nhiều chuyển biến. Hiện nay có 5 Liên hiệp hợp tác xã, 398 Tổ hợp tác với 7.677 thành viên⁷, 487 hợp tác xã và Quỹ tín dụng nhân dân với 66.775 thành viên⁸.

Tỉnh ủy, UBND tỉnh chỉ đạo quyết liệt, sát với điều kiện thực tế của địa phương, với sự quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị và sự tham gia tích cực của người dân, các vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, vùng đồng bào dân tộc trong tỉnh được đầu tư toàn diện và có nhiều chuyển biến mạnh mẽ. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng nâng cao, tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh và tiến tới ổn định bền vững. Trình độ dân trí được nâng lên. Đồng bào DTTS biết cách làm ăn, hạn chế tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước; nhiều hộ vươn lên thoát nghèo, có cuộc sống ổn định,... Hệ thống hạ tầng giao thông được đầu tư đồng bộ, nâng cấp, kết nối giữa các huyện

⁵ Trong đó: 98% là doanh nghiệp nhỏ và vừa. Bình quân hàng năm, số doanh nghiệp thành lập mới tăng hơn 10%. Hầu hết lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp tập trung vào các ngành nghề có tiềm năng, thế mạnh của tỉnh như: Công nghiệp - xây dựng, du lịch, nông lâm nghiệp. Khu vực dịch vụ có 7.269 doanh nghiệp, chiếm 60,9%, tăng 5,03% so năm 2002; thu hút khoảng 90.000 lao động, chiếm 77,3% tổng số lao động, tăng 3% so năm 2002. Khu vực công nghiệp - xây dựng có 2.372 doanh nghiệp, chiếm 19,87%, thu hút 2.154 lao động, chiếm 18,5% tổng số lao động. Khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản có 2.296 doanh nghiệp, chiếm 19,23%, có 4.890 lao động, chiếm 4,2% tổng số lao động. Toàn tỉnh có trên 75.000 hộ kinh doanh, với tổng vốn kinh doanh khoảng 33.600 tỷ đồng; số lượng hộ kinh doanh tăng bình quân khoảng 12%/năm.

⁶ Các doanh nghiệp FDI đã góp phần vào sự phát triển kinh tế của tỉnh, kim ngạch xuất khẩu của khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài bình quân chiếm trên 50% tổng kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh, giải quyết việc làm thường xuyên cho trên 8.500 lao động, hàng ngàn lao động thời vụ và các dịch vụ có liên quan. Đầu tư trực tiếp nước ngoài góp phần quan trọng trong việc hình thành mô hình sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghệ cao như: Các loại rau, hoa, cá nước lạnh, trà Olong... sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, dây chuyền công nghệ tiên tiến trong chế biến sản phẩm nông nghiệp, đặc biệt là chế biến trà Olong, nuôi cá nước lạnh đang được nhiều doanh nghiệp, hộ nông dân áp dụng và nhân rộng, góp phần tăng giá trị hàng hóa của các sản phẩm nông nghiệp và công nghiệp chế biến nông sản, tăng giá trị sử dụng đất, góp phần tích cực trong việc phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

⁷ Có 17 Tổ hợp tác phi nông nghiệp và 381 Tổ hợp tác nông nghiệp. Đa số các Tổ hợp tác chỉ hoạt động ở quy mô nhỏ, cùng nhau chia sẻ kinh nghiệm, kỹ thuật trong sản xuất cây trồng, vật nuôi hoặc cùng tìm kiếm một thị trường đầu ra ổn định.

⁸ Có 387 HTX nông nghiệp, 25 Quỹ tín dụng nhân dân, 75 HTX phi nông nghiệp. Tổng số vốn hoạt động 10.350 tỷ đồng. Liên hiệp HTX (LHHTX): Toàn tỉnh có 05 LHHTX; trong đó: Có 04 LHHTX nông nghiệp và 01 LHHTX tiểu thủ công nghiệp. Có 29 HTX thành viên tham gia LHHTX, với tổng vốn góp 7,1 tỷ đồng.

trong tỉnh với các tỉnh lân cận, góp phần giảm khoảng cách về trình độ phát triển giữa các dân tộc, giữa các khu vực, vùng trong tỉnh. Đến nay, số hộ nghèo đồng bào DTTS giảm đáng kể, hộ giàu tăng lên hàng năm, cụ thể: Cuối năm 2003, hộ nghèo đồng bào DTTS chiếm 24%. Đến cuối năm 2021, còn 6.739 hộ nghèo đồng bào DTTS, chiếm 8,55%, không còn hộ đói. 100% số xã có điện lưới quốc gia; 100% số xã có đường ô tô đến trung tâm xã đi được cả hai mùa khô và mùa mưa, nhiều xã vùng sâu, vùng xa đã có đường bê tông nhựa.

- *Phát triển văn hóa, y tế, giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ.*

Lĩnh vực văn hóa: năm 2021, tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu “*Gia đình văn hóa*” đạt 90,5%; tỷ lệ thôn, buôn, tổ dân phố được công nhận danh hiệu “*Thôn, tổ dân phố văn hóa*” đạt 95%; tỷ lệ thôn, buôn có nhà văn hóa hiện có 139/142 thiết chế văn hóa xã, phường, thị trấn đạt 97,9%; tỷ lệ thôn, tổ dân phố có nhà sinh hoạt cộng đồng đạt 96%. Công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa các DTTS trên địa bàn tỉnh đã thực sự có những chuyển biến mạnh mẽ; thông qua các hoạt động sưu tầm, bảo quản, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích; đẩy mạnh công tác tuyên truyền về giá trị văn hóa của nhân dân các dân tộc, nâng cao lòng tự hào về các giá trị văn hóa; khuyến khích sử dụng các làn điệu dân ca, dân vũ, nhạc cụ dân tộc; các loại hình văn hóa dân gian trong các hội thi, hội diễn,... Các địa phương trên địa bàn tỉnh đã đưa vào chương trình giảng dạy tiếng nói, chữ viết của đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ cho học sinh ở những địa bàn có đông đồng bào DTTS sinh sống, như Cơ ho, Mạ và Churu. Từ đó, góp phần giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc trên địa bàn tỉnh.

Lĩnh vực thể thao: Phong trào thể dục, thể thao quần chúng không ngừng được phát triển. Đến nay, số người tham gia tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên đạt 35,7%, số gia đình thể thao đạt 28,5%, có 1.135 câu lạc bộ thể dục thể thao ở cơ sở.

Lĩnh vực Y tế được các cấp, các ngành quan tâm, đầu tư, với mục tiêu nâng cao sức khỏe và chất lượng cuộc sống của nhân dân. Cơ sở vật chất ngành y tế được tập trung đầu tư; tỷ lệ giường bệnh/vạn dân tăng từ 12,74 giường bệnh/vạn dân năm 2002 lên 19,88 giường bệnh/vạn dân năm 2021; số bác sĩ/vạn dân tăng từ 4 bác sĩ năm 2002 lên 8,12 bác sĩ/vạn dân năm 2021; 100% số xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đến năm 2021 đạt 92,3% dân số. Mạng lưới y tế, đặc biệt là y tế cơ sở được củng cố và phát triển. Năm 2002, toàn ngành có 182 đơn vị y tế (*tuyến tỉnh 10 đơn vị; tuyến huyện 11 đơn vị; phòng khám đa khoa, nhà hộ sinh và trạm y tế xã 161 đơn vị*). Đến năm 2021, toàn ngành có 189 đơn vị (*tuyến tỉnh 12 đơn vị, tuyến huyện 12 đơn vị; phòng khám đa khoa, nhà hộ sinh và trạm y tế xã 165 đơn vị*). Đến năm 2021, tổng số nhân lực y tế tuyến huyện và xã là 4.646 người, tăng hơn 2 lần so với năm 2002 (2.271 người).

Lĩnh vực giáo dục - đào tạo: Giáo dục và Đào tạo tiếp tục phát triển, hệ

thông trường lớp⁹) phân bố rộng khắp, bố trí hợp lý theo địa bàn dân cư, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cơ bản đủ về số lượng¹⁰, đáp ứng yêu cầu về chất lượng; tỷ lệ giáo viên (*mầm non, phổ thông*) đạt chuẩn 99,38%, trên chuẩn 61,35%. Cơ sở vật chất trường, lớp học và trang thiết bị dạy học được đầu tư theo hướng đạt chuẩn. Chất lượng, hiệu quả giáo dục chuyển biến rõ nét; công tác phổ cập giáo dục được giữ vững và nâng cao chất lượng¹¹. Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi tiếp tục được quan tâm, đạt giải cao tại các cuộc thi học sinh giỏi cấp tỉnh, cấp quốc gia, quốc tế. Giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số được quan tâm, chất lượng giáo dục từng bước được nâng lên. Có 8,7% học sinh người dân tộc thiểu số cấp trung học được học trường phổ thông dân tộc nội trú (2.516/28.965 học sinh).

Lĩnh vực khoa học và công nghệ: Khoa học và công nghệ bám sát mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đã xác định các sản phẩm chủ lực, có tiềm năng nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao vào thực tiễn sản xuất. Các chính sách đẩy mạnh phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp được quan tâm thực hiện. Tiềm lực khoa học và công nghệ của tỉnh được tăng cường; đội ngũ cán bộ, cơ sở vật chất, trang thiết bị cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển. Toàn tỉnh có 06 doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận khoa học và công nghệ, gồm các lĩnh vực như: Y dược (03 doanh nghiệp); nông nghiệp (02 doanh nghiệp); công nghệ thông tin (01 doanh nghiệp); có 56 cơ sở nuôi cấy mô rau, hoa, nấm, sản xuất hàng năm 72,3 triệu cây giống và 27,8 tấn nấm.

- Phát huy dân chủ, giữ gìn kỷ cương; đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí; thực hiện phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các cấp ủy đảng luôn nhận thức rõ về vị trí, vai trò, tầm quan trọng đối với việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Tại các kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh luôn xác định “*dân là gốc*” và “*phát huy quyền làm chủ của nhân dân*” là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu. Đặc biệt, vấn đề phát huy quyền làm chủ của Nhân dân tiếp tục được khẳng định tại Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI. Đại hội xác định “*Phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ của nhân dân; củng cố lòng tin của nhân dân với Đảng, chính quyền; tăng cường đại đoàn kết toàn dân, xây dựng xã hội dân chủ, đồng thuận, tuân theo pháp luật, kỷ cương, đoàn kết, văn minh...*” là một trong 5 nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ Đại hội XI của Đảng bộ tỉnh. Thường xuyên củng cố, kiện toàn, lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động của Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở tỉnh, phân công đồng chí Phó Bí thư

⁹. Toàn tỉnh có Toàn tỉnh hiện có 673 trường học; trong đó: Có 231 Trường mầm non (172 trường công lập và 59 trường ngoài công lập), 226 Trường tiểu học (222 trường công lập, 02 trường ngoài công lập và 02 trường chuyên biệt), 157 trường THCS công lập, 59 trường THPT (56 trường công lập và 03 trường ngoài công lập); có 08 trường phổ thông dân tộc nội trú cấp huyện và liên huyện, 01 trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh, 01 trường THCS dân tộc bán trú.

¹⁰. Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên là 23.285 người, trong đó cán bộ quản lý 1.594 người; giáo viên: 18.143 người; nhân viên: 3.548 người.

¹¹. Duy trì phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi đối với 147/147 đơn vị cấp xã; có 11 huyện, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, đạt tỷ lệ 91,7%, có 01 huyện, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2, đạt tỷ lệ 8,3%; có 02/12 huyện, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 1, tỷ lệ 16,7%, 10/12 huyện, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2, tỷ lệ 83,3%.

Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng Ban Chỉ đạo, giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện tốt phương châm “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát*”. Phần lớn xã, phường, thị trấn đã triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung cần phải công khai cho Nhân dân biết, dân bàn với nhiều hình thức công khai như: Niêm yết tại UBND cấp xã, nhiều nơi còn được niêm yết tại các điểm sinh hoạt cộng đồng ở từng khu dân cư, thông báo trên hệ thống truyền thanh tại cơ sở... Nhiều nội dung, quy định về các chế độ, chính sách của Đảng, Nhà nước được chính quyền tổ chức họp dân và thông báo rộng rãi... tạo điều kiện cho nhân dân được tiếp cận và nắm bắt thông tin, phản ánh những băn khoăn, thắc mắc trong việc triển khai thực hiện của chính quyền cơ sở. Tổ chức cho nhân dân bàn bạc và quyết định kế hoạch, biện pháp thực hiện các chủ trương trong việc huy động nhân dân đóng góp và mức đóng góp để xây dựng kết cấu hạ tầng, các công trình phúc lợi. Đối với những vấn đề thực hiện nội dung nhân dân bàn, biểu quyết đề cập có thẩm quyền quyết định được thực hiện nghiêm túc theo trình tự.

Các cấp ủy đảng, chính quyền đẩy mạnh quán triệt và thực hiện nghiêm túc phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Nhất là việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) “*Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay*” gắn với thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW, ngày 15/4/2011 của Bộ Chính trị “*Về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương, đạo đức Hồ Chí Minh*”, Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) “*Về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, những biểu hiện tự diễn biến, tự chuyển hóa trong nội bộ*” gắn với Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị “*Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*”. Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành các Quy định phát huy vai trò của nhân dân trong giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước, hệ thống chính trị các cấp¹².

Các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật Ngân sách nhà nước từ khâu lập, thẩm định, phân bổ dự toán ngân sách nhà nước. Quản lý và sử dụng kinh phí hoạt động thường xuyên trong dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho các đơn vị, hạn chế tối đa việc bổ sung kinh phí ngoài dự toán. Thực hiện tiết kiệm chi quản lý hành chính, sự nghiệp, nhất là các khoản khoán chi. Tăng cường công tác quản lý, sử dụng phương tiện đi lại, bảo đảm đúng mục đích, hiệu quả, tiết kiệm. Thực hiện mua sắm tài sản theo hình thức mua sắm tập trung. Các dự án đầu tư xây dựng cơ bản tuân thủ các tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục theo các quy định, thực hiện nghiêm việc đấu thầu, giám sát đầu tư trong quá

¹² Quy định số 04-QĐ/TU ngày 01/02/2018 về “*Trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng về việc tiếp tục phát huy vai trò của Nhân dân trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ*”; Kế hoạch số 56-KH/TU, ngày 09/7/2018 về vận động nhân dân giám sát thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “*Một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*”; chỉ đạo cấp ủy, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện nghiêm túc Quy định số 124-QĐ/TW, ngày 02/02/2018 của Ban Bí thư về “*Giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên*”...

trình thi công, tiến độ, tiêu chuẩn kỹ thuật công trình.

3.2. Xây dựng những định hướng chính sách, giải pháp đối với các giai cấp, tầng lớp nhân dân: Giai cấp công nhân, giai cấp nông dân; đội ngũ trí thức; thanh niên; phụ nữ; cựu chiến binh; người cao tuổi; các nhà doanh nghiệp; đồng bào dân tộc thiểu số; đồng bào các tôn giáo; cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội nhằm tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, cụ thể như: Công văn số 2939-CV/TU, ngày 18/3/2010 về việc chỉ đạo thực hiện Kết luận số 62-KL/TW của Bộ Chính trị, trên địa bàn tỉnh; Chỉ thị số 19-CT/TU, ngày 16/5/2017 về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh trong tình hình mới; Chỉ thị số 18-CT/TU, ngày 22/02/2022 về lãnh đạo nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trên địa bàn tỉnh năm 2022,... Ngoài các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành nhiều chương trình hành động, chỉ thị, nghị quyết định hướng chính sách, giải pháp xây dựng phát triển các giai cấp, tầng lớp nhân dân như:

Đối với giai cấp công nhân: Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 57-CTr/TU, ngày 15/5/2008 về thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW về “*Tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*” để triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết trên địa bàn tỉnh. Hiện nay, toàn tỉnh hiện có 71.028 CNVCLĐ, tăng 15.608 người so với năm 2002 (55.420 CNVCLĐ). Tổ chức Công đoàn hoạt động hiệu quả, thực hiện tốt công tác chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên công đoàn. Đội ngũ công nhân, viên chức, lao động đã phát huy tinh thần cần cù, nỗ lực học tập, lao động, sản xuất thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thể hiện sự năng động, sáng tạo, thích ứng với cơ chế thị trường, nhanh chóng tiếp thu, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào sản xuất; cán bộ, công chức, viên chức được chuẩn hóa về chính trị, chuyên môn, từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Đối với đội ngũ trí thức: Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 66-CTr/TU, ngày 24/10/2008 về thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 06/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Chỉ thị số 48-CT/TU, ngày 07/9/2010 về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Kế hoạch số 98-KH/TU, ngày 15/8/2019 về thực hiện Kết luận số 52-KL/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về xây dựng đội ngũ trí thức Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa... Nhằm trọng dụng, đãi ngộ và tôn vinh trí thức, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành nhiều nghị quyết chuyên đề về đào tạo, phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh qua các thời kỳ. Đội ngũ trí thức của tỉnh tăng cả về số lượng và chất lượng, phát huy tính chủ động,

sáng tạo, tâm huyết trong nghiên cứu, đề xuất giải pháp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Trí thức trong các cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phát huy năng lực, trí tuệ trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị được giao, đóng góp quan trọng đến việc hoạch định đường lối, phương hướng phát triển của tỉnh. Trí thức trên lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế có số lượng lớn, có nhiều đóng góp trong việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe nhân dân. Trí thức làm việc trong các doanh nghiệp có nhiều sáng kiến, áp dụng khoa học công nghệ để nâng cao chất lượng sản phẩm, hiệu quả sản xuất, kinh doanh. Trên các lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật, trí thức đóng góp trong công tác bảo tồn, phát huy di sản văn hóa, nghệ thuật, sáng tác và biểu diễn văn học, nghệ thuật quần chúng đạt những kết quả tích cực.

Đối với giai cấp nông dân: Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 68-CTr/TU, ngày 24/10/2008 thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 11/5/2011 về đẩy mạnh phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2011 - 2015; Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 11/11/2016 về phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2025; Nghị quyết số 21-NQ/TU, ngày 27/10/2022 về phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Thành lập và chỉ đạo hoạt động hiệu quả đối với Ban Chỉ đạo thực hiện Kết luận số 61-KL/TW về “*Nâng cao vai trò trách nhiệm của Hội Nông dân Việt Nam trong phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam giai đoạn 2010 - 2020*”... Hội nông dân các cấp đã thực sự là trung tâm và nòng cốt cho phong trào nông dân và công cuộc xây dựng nông thôn mới; đoàn kết trong nông dân và tổ chức Hội nông dân ngày càng cao, củng cố vững mạnh và góp phần phát triển nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động nông thôn, xây dựng nông thôn mới, đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho hội viên, nông dân.

Đối với thanh niên: Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 67-CTr/TU, ngày 24/10/2008 “*Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa*”; Nghị quyết số 11-NQ/TU, ngày 17/02/2022 về đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Lâm Đồng trong thời kỳ mới. Công tác quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm, luân chuyển, bố trí, sử dụng cán bộ Đoàn, cán bộ trẻ được các cấp ủy, chính quyền quan tâm. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ lý luận, chuyên môn, nghiệp vụ cho thanh niên được chú trọng, công tác phát triển đảng viên từ thanh niên ngày càng tăng. Hiện nay, tỉnh Lâm Đồng có 245.159 thanh niên¹³. Hoạt động của Đoàn và phong trào thanh niên ngày càng được đổi mới và đi vào chiều sâu. Công tác đoàn kết, tập hợp thanh niên được mở rộng. Các phong trào thi đua yêu nước, xung kích phát triển kinh tế - xã

¹³ Trong đó thanh niên nông thôn là 133.294 chiếm 53,3%; thanh niên đô thị là 28.361 chiếm 11,36%; thanh niên công nhân viên chức và dịch vụ là 13.370 chiếm 4,55%; thanh niên học sinh sinh viên là 64.121 chiếm 25,67%; thanh niên lực lượng vũ trang là 5.000 chiếm 2%.

hội, thanh niên lập thân lập nghiệp, thanh niên tình nguyện, tham gia xây dựng nông thôn mới, đảm bảo quốc phòng - an ninh đạt chất lượng, hiệu quả. Công tác phối hợp, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền có nhiều chuyển biến tích cực. Vai trò, vị thế của Đoàn thanh niên, Hội Liên hiệp thanh niên được nâng lên.

Đối với phụ nữ: Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 39-CTr/TU, ngày 06/11/2007 để triển khai thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị “*Về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*” trên địa bàn tỉnh; Công văn 2612-CV/TU, ngày 06/03/2013 về triển khai thực hiện Kết luận số 55-KL/TW của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW; Công văn số 2405-CV/TU, ngày 28/3/2018 để chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW, ngày 20/01/2018 của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới. Toàn tỉnh có 656.161/1.321.839 nữ, chiếm 46,64%; số nữ trong độ tuổi lao động là 383.142/798.547 nữ lao động, chiếm 47,98%. Phụ nữ trong tỉnh đã phát huy truyền thống tốt đẹp, vượt qua khó khăn, thách thức, đoàn kết, năng động, sáng tạo, không ngừng nỗ lực phấn đấu vươn lên khẳng định vai trò, vị thế trong gia đình và xã hội. Các cấp Hội phụ nữ bám sát chức năng, nhiệm vụ của Hội, nhiệm vụ chính trị của địa phương, không ngừng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động; từng bước thực hiện tốt hơn vai trò đại diện quyền làm chủ của phụ nữ, tích cực tham gia giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc liên quan đến phụ nữ, trẻ em; nâng cao trình độ nhận thức, hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế, xây dựng gia đình hạnh phúc...

Đối với Cựu chiến binh: Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 10-CT/TU, ngày 30/01/2002 chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW và Công văn số 2993-CV/TU, ngày 12/4/2010 về việc chỉ đạo thực hiện Kết luận 66-KL/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa X) về “*Tiếp tục thực hiện Nghị quyết 09-NQ/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cựu chiến binh trong giai đoạn cách mạng mới*”. Toàn tỉnh có 28.326 hội viên cựu chiến binh. Các thế hệ cựu chiến binh trong tỉnh là cán bộ, chiến sỹ, lực lượng vũ trang từ các tỉnh, thành trong cả nước sau khi hoàn thành nghĩa vụ quân sự về cư trú, sinh hoạt trên địa bàn tỉnh, luôn tích cực phát huy và giữ gìn đạo đức cách mạng, phẩm chất truyền thống “*Bộ đội Cụ Hồ*”. Hội Cựu chiến binh các cấp tích cực chăm lo xây dựng tổ chức Hội; đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động, hướng về cơ sở. Tích cực tham gia giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ và Nhân dân. Vận động hội viên phát triển sản xuất, nâng cao đời sống cho hội viên; xây dựng nhiều mô hình, điển hình sản xuất kinh doanh giỏi. Có nhiều đóng góp quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của tỉnh.

Thực hiện chính sách tôn giáo: Sau khi Nghị quyết 25-NQ/TW, ngày 12/3/2003 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về công tác tôn giáo được ban hành. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 20-NQ/TU, ngày 28/5/2003 về chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW; Kế hoạch số 72-KH/TU, ngày 03/3/2010 thực hiện Kết luận 57-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung

ương Đảng (khóa IX) “Về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”, “về công tác dân tộc”, “về công tác tôn giáo”. Trong 20 năm qua, Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản phân cấp về xây dựng, giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, về khiếu kiện, khiếu nại liên quan đến tôn giáo cho các ngành chức năng của tỉnh. Phân cấp cho UBND các huyện, thành phố giải quyết một số cuộc lễ nhằm rút ngắn thời gian, trình tự thủ tục hành chính và các văn bản về “chấn chỉnh, khắc phục các hạn chế, tồn tại trong giải quyết các vấn đề liên quan đến tôn giáo”, “về tăng cường công tác quản lý quy hoạch, trật tự xây dựng liên quan đến tôn giáo”, “về tăng cường phát hiện, đấu tranh ngăn chặn các hoạt động tôn giáo trái pháp luật”... Trong những năm qua, các ngành chức năng của tỉnh tăng cường công tác vận động, tuyên truyền để chức sắc, chức việc, tín đồ nhận thức rõ âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch lợi dụng tôn giáo. Vận động quần chúng đấu tranh, ngăn chặn hoạt động với một số đối tượng là chức sắc lợi dụng tôn giáo. Tổ chức phát động rộng rãi phong trào quần chúng tham gia bảo vệ an ninh tổ quốc trên tất cả các địa bàn trong tỉnh. Nhất là các địa bàn trọng điểm, vùng sâu, vùng xa, vùng DTTS. Gặp gỡ, tranh thủ các chức sắc có uy tín để họ vận động tín đồ thực hiện tốt quy định của pháp luật, không tin theo kẻ xấu. Tạo sự đồng thuận với các cấp chính quyền, cung cấp những thông tin về tình hình phức tạp trong tôn giáo và khuyến khích chức sắc, nhà tu hành, chức việc, tín đồ các tôn giáo tham gia vào các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức quần chúng ở cơ sở nhằm đề cao vai trò, vị trí của các tôn giáo trong việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Công tác xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở, nhất là vùng đồng bào DTTS, vùng tôn giáo được các cấp ủy quan tâm. Ở các xã, thôn, tổ dân phố ở vùng đồng bào DTTS, vùng tôn giáo đều có tổ chức đảng, tổ chức chính trị - xã hội. Công tác phát triển đảng viên ở những vùng này được chú trọng.

Thực hiện chính sách dân tộc: Thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 18/01/2002 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên, Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 31/10/2006 về tập trung nguồn lực tiếp tục đầu tư phát triển kinh tế - xã hội đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2006 - 2010; Nghị quyết số 14-NQ/TU, ngày 08/10/2018 về phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030; Nghị quyết số 16-NQ/TU, ngày 03/6/2022 về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số... UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản để cụ thể hóa chủ trương, chính sách của Chính phủ, nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển vùng đồng bào DTTS như: Chương trình: 134, 135, 30a, 168 nhằm hỗ trợ đầu tư vốn, mặt hàng chính sách miền núi được triển khai thực hiện hiệu quả.

Tỉnh tập trung đầu tư toàn diện vùng đồng bào DTTS. Từ đó, bộ mặt nông thôn vùng đồng bào DTTS có nhiều thay đổi, sản xuất nông nghiệp phát triển, đời sống của đại bộ phận đồng bào DTTS ngày càng khá hơn. Nhiều hộ đồng bào DTTS biết tận dụng đất đai, lao động, các điều kiện khác để đầu tư phát triển sản xuất hàng hóa, đa dạng về giống cây trồng vật nuôi. Nhiều vùng chuyên canh cây rau thương phẩm, cà phê, chè, điều, tiêu,... đã hình thành và phát triển. Đặc biệt,

một số hộ đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện Đơn Dương, Đức Trọng, Lạc Dương, Lâm Hà,... biết chuyển sang trồng rau thương phẩm, trồng hoa xuất khẩu để tăng thu nhập và làm giàu.

3.3. Việc phát huy vai trò của chính quyền nhà nước trong việc thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc

- Cụ thể hóa các cơ chế nhằm phát huy dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện.

Dân chủ trực tiếp ngày càng được phát huy. Nhân dân nhận thức ngày càng rõ vị trí, vai trò làm chủ, thông qua việc nhân dân tích cực tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND các cấp (*nhệm kỳ 2021 - 2026, tỷ lệ bầu cử đạt 99,94%*). Thực hiện tốt các nội dung “*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*”. Nhân dân tích cực tham gia góp ý, bàn bạc tại các Hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo chính quyền với nhân dân được tổ chức hàng năm tại cơ sở.

Hoạt động của HĐND các cấp trong tỉnh có nhiều đổi mới; nhân dân tin tưởng, phản ánh những tâm tư nguyện vọng và kiến nghị với chính quyền đúng nơi, đúng chỗ. Các cơ quan quản lý nhà nước đã kịp thời giải quyết dứt điểm các vụ việc do nhân dân phản ánh, kiến nghị, cơ bản đáp ứng nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Đại biểu HĐND các cấp nêu cao tinh thần, trách nhiệm, tăng cường học tập, nghiên cứu để khẳng định vai trò, trách nhiệm của người đại biểu nhân dân. Tại các kỳ họp, đại biểu đã tích cực tham gia ý kiến, thảo luận các nội dung trình tại kỳ họp. Hiệu quả công tác chất vấn và trả lời chất vấn của cử tri tại các kỳ họp ngày càng nâng cao, chất lượng. Trong hoạt động chất vấn, đại biểu đã thẳng thắn đặt câu hỏi về những vấn đề nổi cộm, bức xúc mà đại biểu và cử tri quan tâm, tạo niềm tin tưởng của cử tri vào đại biểu HĐND.

- Nhiệm vụ phục vụ nhân dân của các cơ quan nhà nước.

UBND tỉnh thành lập Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh và chỉ đạo củng cố, kiện toàn Bộ phận một cửa cấp huyện, cấp xã. Từ đó tạo sự chuyển biến tích cực trong giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tiết kiệm chi phí, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp. Cơ chế “*một cửa*”, “*một cửa liên thông*” được triển khai tại 100% cơ quan hành chính từ tỉnh đến cấp xã. Tăng cường triển khai thực hiện cải cách thủ tục hành chính, UBND tỉnh ban hành 94 quyết định cập nhật, bổ sung các thủ tục hành chính theo quy định của cấp có thẩm quyền; có 1.898 thủ tục hành chính đã được công bố. Trong đó, cấp tỉnh 1.438 thủ tục, cấp huyện 316 thủ tục và cấp xã 144 thủ tục. Việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và những vấn đề bức xúc của nhân dân được cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm thực hiện. Định kỳ hàng tháng, cấp ủy, chính quyền tổ chức tiếp dân tại trụ sở Ban Tiếp công dân tỉnh. Quy trình giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân được cải tiến, lãnh đạo tỉnh đã tổ chức tiếp dân trực tiếp, đối thoại công khai, dân chủ.

- Cơ chế và các điều kiện đảm bảo để Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp nhận phản ánh, tiếp thu ý kiến, nguyện vọng của nhân dân; tham gia xây dựng, hoạch định chính sách, pháp luật; giám sát hoạt động

của các cơ quan nhà nước và đại biểu dân cử.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành các văn bản: Công văn số 3567-CV/TU, ngày 07/01/2014 về triển khai thực hiện Quyết định 217-QĐ/TW, Quyết định số 218-QĐ/TW; Quyết định số 1847-QĐ/TU, ngày 13/4/2015 “*Quy định về trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp và cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong việc tiếp thu góp ý theo Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 218-QĐ/TW của Bộ Chính trị*” và các Quy định, Kế hoạch vận động nhân dân giám sát¹⁴.

UBND tỉnh ban hành văn bản số 1149-UBND/VX, ngày 14/3/2014 về việc triển khai Quyết định 217-QĐ/TW, Quyết định 218-QĐ/TW. Chỉ đạo các sở ngành, địa phương phối hợp chặt chẽ, tạo điều kiện thuận lợi để Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện tốt công tác giám sát, phản biện, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền. Trên cơ sở đó, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố đã chủ động xây dựng kế hoạch, các văn bản triển khai thực hiện với những nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, phù hợp với tình hình cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Công tác chăm lo đào tạo, bồi dưỡng chính trị, nghiệp vụ, giáo dục đạo đức cho đội ngũ cán bộ chính quyền các cấp.

Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng đạt chuẩn chức danh theo ngạch công chức, viên chức, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đề ra; bố trí công việc theo đúng đề án vị trí việc làm. Công tác tuyển dụng được thực hiện đúng quy định pháp luật, đảm bảo nghiêm túc, minh bạch, công khai, công bằng và chất lượng. Đến hết quý III/2022, tổng số công chức hành chính cấp huyện trở lên là 2.285 người (*trình độ đại học trở lên chiếm 84,78%*); 100% cán bộ lãnh đạo cấp tỉnh, cấp huyện có trình độ đại học, cao cấp lý luận chính trị; 90% cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp phòng được đào tạo, bồi dưỡng theo chương trình quy định; 98,1% công chức hành chính đạt chuẩn theo quy định; 9,6% công chức hành chính có trình độ chuyên môn trên đại học; 100% cán bộ, công chức sử dụng được vi tính trong công tác chuyên môn nghiệp vụ và 73,6% có chứng chỉ tiếng Anh trở lên. Công chức cấp xã gần 1.500 người, phần lớn có trình độ đại học và sau đại học; được đào tạo quản lý hành chính nhà nước, trình độ lý luận chính trị. Tổng số viên chức là 24.651 người, 100% viên chức đạt và vượt chuẩn chuyên môn chức danh nghề nghiệp.

3.4. Việc mở rộng và đa dạng hóa các hình thức tập hợp nhân dân, nâng cao vị trí, vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân trong việc thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc

¹⁴ Quy định số 04-QĐ/TU ngày 01/02/2018 về “*Trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng về việc tiếp tục phát huy vai trò của Nhân dân trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ*”; Kế hoạch số 56-KH/TU ngày 09/7/2018 về vận động nhân dân giám sát thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “*Một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*”; chỉ đạo cấp ủy, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện nghiêm túc Quy định số 124-QĐ/TW ngày 02/02/2018 của Ban Bí thư về “*Giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên*”.

Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp trong tỉnh thường xuyên chú trọng công tác củng cố, kiện toàn tổ chức, bộ máy theo hướng mở rộng cơ cấu thành phần, kết nạp các các tổ chức thành viên, tăng thêm số lượng ủy viên và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động¹⁵. Các tổ chức chính trị - xã hội tăng cường mở rộng, đa dạng hóa các hình thức tập hợp đoàn viên, hội viên và Nhân dân. Hiện nay, toàn tỉnh có 65.178/61.082 đoàn viên công đoàn sinh hoạt tại 1.566 công đoàn cơ sở, số công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở là 16. Hội nông dân có 12 hội cấp huyện, 142 hội cấp xã, 1.414 chi Hội, 2.744 tổ Hội với 154.726 hội viên. Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh có 14 hội cấp huyện và tương đương, 157 hội cấp cơ sở, 1.376 chi hội cơ sở và 3.576 tổ phụ nữ với hơn 167.000 hội viên (*34.753 hội viên là người dân tộc thiểu số*); tỷ lệ hội viên tham gia sinh hoạt Hội đạt trên 81%. Hội Cựu chiến binh tỉnh có 13 tổ chức Hội trực thuộc, 1.339 chi hội với trên 28.400 hội viên chiến binh. Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh có 25 tổ chức Đoàn cấp huyện trực thuộc, với 81.751 đoàn viên, 127.538 hội viên Hội Liên hiệp thanh niên.

Các tổ chức chính trị - xã hội tăng cường phối hợp với các cơ quan chính quyền thực hiện tốt công tác tập hợp xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc và thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ của Mặt trận. Thực hiện tốt Quy chế phối hợp giữa MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội với HĐND và UBND tỉnh. Đồng thời, MTTQ Việt Nam tỉnh ký kết và duy trì triển khai thực hiện 23 chương trình phối hợp với các sở, ban, ngành, nhằm tăng cường công tác phối hợp tuyên truyền, vận động cán bộ, công chức và các tầng lớp nhân dân, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các phong trào thi đua, các cuộc vận động phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh.

Đồng chí Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, là đại biểu HĐND, là thành viên của hầu hết các ủy ban, hội đồng, ban điều hành các dự án, chương trình kinh tế - xã hội có liên quan trực tiếp đến quyền lợi và trách nhiệm của các tầng lớp nhân dân. Có 11/12 đồng chí Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện, thành phố là ủy viên ban thường vụ huyện, thành ủy; 49/142 Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã là ủy viên ban thường vụ đảng ủy cấp xã; 272/1.376 bí thư chi bộ thôn, tổ dân phố kiêm Trưởng Ban công tác Mặt trận; 09/1.376 Trưởng thôn, tổ dân phố kiêm Trưởng Ban công tác Mặt trận; 89/1.376 Trưởng Ban công tác Mặt trận kiêm chi hội trưởng các đoàn thể. Cấp trưởng của các tổ chức chính trị - xã hội các cấp tham gia vào ban chấp hành đảng bộ cùng cấp.

3.5. Về tăng cường công tác chính trị, tư tưởng, nâng cao trách nhiệm công dân, xây dựng sự đồng thuận xã hội, đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước

Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh chủ động đổi mới nội dung, phương thức công tác tuyên truyền, vận động, tập hợp đoàn kết các tầng lớp nhân dân; củng cố, tăng cường và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân

¹⁵ Đến nay, Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh có 42 tổ chức thành viên (tăng 17 so với năm 2003), 100 ủy viên (tăng 25 so với năm 2003); 02 Hội đồng tư vấn (về Dân tộc và Dân chủ - Pháp luật). Ủy ban MTTQ Việt Nam 12 huyện, thành phố có 667 ủy viên; Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp huyện có 47 người. Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã có 4.869 ủy viên; Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã có 461 người, trong đó có 49/142 Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã là ủy viên ban thường vụ đảng ủy cấp xã.

tộc với nhiều nội dung, hình thức phong phú, có trọng tâm, trọng điểm nhằm đa dạng hóa các hình thức vận động, tập hợp, đoàn kết nhân dân.

Tổ chức phổ biến, tuyên truyền nâng cao nhận thức trong cán bộ, công chức, đoàn viên, hội viên, người tiêu biểu trong các dân tộc, tôn giáo và các tầng lớp nhân dân các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc và phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc trong tình hình mới... Tập trung công tác vận động, mở rộng tập hợp, đoàn kết các tầng lớp nhân dân, mở rộng kết nạp tổ chức thành viên, các cá nhân tiêu biểu trong các tầng lớp nhân dân. Thường xuyên rà soát củng cố, kiện toàn tổ chức, phát huy vai trò của các tổ chức thành viên, các vị ủy viên, các hội đồng tư vấn, ban tư vấn và các vị chức sắc tôn giáo, già làng, nhân sỹ, trí thức, người có uy tín trong cộng đồng,... làm nòng cốt để tuyên truyền, vận động tập hợp, đoàn kết các tầng lớp nhân dân.

Từ năm 2003 đến nay, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp chủ trì, phối hợp tổ chức tốt “Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc” hàng năm, với nội dung và hình thức phong phú, thiết thực. Kịp thời tổng kết các phong trào thi đua, các cuộc vận động ở các khu dân cư, biểu dương, khen thưởng, thăm hỏi gia đình chính sách, hỗ trợ cho người nghèo gắn với phát động phong trào thi đua, thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân và cán bộ, công chức, viên chức tham gia, góp phần tăng cường đoàn kết, động viên, cổ vũ các tầng lớp nhân dân nỗ lực thực hiện tốt các phong trào thi đua, các cuộc vận động trên địa bàn khu dân cư. Đề cao tính tự quản, phát huy sức mạnh đoàn kết của Nhân dân xây dựng cộng đồng, khu dân cư vững mạnh.

- Phát động sâu rộng các phong trào thi đua yêu nước; thực hiện các cuộc vận động theo từng lĩnh vực cụ thể và cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết phấn đấu vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước theo hướng tập trung về cơ sở, bám sát nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách để tổ chức phát động với các hình thức thi đua phong phú, hấp dẫn, phù hợp từng thành phần xã hội, từng vùng, địa bàn dân cư.

- Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư” (nay là Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”) thu hút được đông đảo các tầng lớp nhân dân đồng tình ủng hộ, tự nguyện tham gia đóng góp tiền, ngày công, hiến đất, vật tư¹⁶, xây dựng các công trình phúc lợi, phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; tham gia giữ gìn an ninh, trật tự, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, xây dựng gia đình, khu dân cư an toàn, sáng, xanh, sạch, đẹp, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; bảo đảm an sinh xã hội, giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội, cùng với cấp ủy, chính quyền thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ trên địa bàn tỉnh¹⁷.

¹⁶ Từ năm 2003 đến nay, nhân dân trong tỉnh đã đóng góp trên 1.250 tỷ đồng, hiến 1.829.113 m² đất, huy động 710 ngàn ngày công lao động... để tập trung các nguồn lực tham gia xây dựng các công trình phúc lợi, các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng cơ sở hạ tầng ở cơ sở, cộng đồng dân cư.

¹⁷ Đến nay, toàn tỉnh có 107/111 xã đạt chuẩn nông thôn mới (đạt 96,4%), trong đó có 30 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 09 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Có 05 huyện đạt chuẩn nông thôn mới (Đơn Dương, Đức Trọng, Đạ Tẻh, Cát Tiên, Lâm Hà); 02 thành phố (Đà Lạt và Bảo Lộc) đã được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; có 27/31 phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị.

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Cuộc vận động “Ngày vì người nghèo” (từ năm 2003 - 2015) và phong trào thi đua “Vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau”. Hàng năm, tổ chức phát động, tuyên truyền, vận động, tiếp nhận, quản lý và phân bổ sử dụng Quỹ “Vì người nghèo” và các nguồn quỹ (Quỹ Cứu trợ, Quỹ ủng hộ Trường Sa, Quỹ hỗ trợ phòng, chống dịch Covid-19...). Qua đó, tiếp nhận hàng trăm tỷ đồng, kịp thời hỗ trợ, chăm lo giúp đỡ người nghèo, cứu trợ đồng bào bị thiên tai, hỏa hoạn, sự cố nghiêm trọng, dịch bệnh Covid-19, thực hiện an sinh xã hội¹⁸.

- Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” được MTTQ Việt Nam các cấp triển khai thực hiện từ năm 2009 đến nay. Qua đó, chủ trì, phối hợp phát huy trách nhiệm của các tổ chức thành viên cùng với cả hệ thống chính trị tổ chức tuyên truyền, vận động sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân, tạo chuyển biến tích cực trong nhận thức của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, cán bộ, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân hưởng ứng, ưu tiên sử dụng hàng Việt. Phối hợp với cơ quan chính quyền tuyên truyền thực hiện Đề án “Phát triển thị trường trong nước”, hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức giới thiệu, quảng bá sản phẩm nhất là thương hiệu “Đà Lạt kết tinh kỳ diệu từ đất lành”.

- Các phong trào thi đua đoàn kết sáng tạo, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, hội nhập quốc tế được triển khai rộng khắp trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, dân tộc, tôn giáo và cán bộ, công chức, viên chức, chiến sỹ lực lượng vũ trang, đoàn viên, hội viên và nhân dân. Phong trào phát huy sáng kiến, sáng tạo, nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ, kỹ thuật được phát triển, lan tỏa khắp các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương, góp phần quan trọng nâng cao năng suất, chất lượng công tác, lao động, học tập, chiến đấu, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phục vụ đời sống nhân dân¹⁹. Nhiều mô hình, điển hình sáng tạo được kịp thời phát hiện, bồi dưỡng, quảng bá, giới thiệu, công nhận, biểu dương, tôn vinh, khen thưởng và phổ biến nhân rộng.

3.6. Công tác xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng để Đảng thực sự là hạt nhân lãnh đạo khối đại

¹⁸ Trong đó Quỹ “Vì người nghèo” các cấp trong tỉnh đã tiếp nhận được hơn 262 tỷ đồng, hỗ trợ xây dựng mới 8.430 căn nhà, sửa chữa 3.438 căn nhà Đại đoàn kết, kịp thời hỗ trợ phát triển sản xuất, giúp đỡ học sinh, sinh viên, bệnh nhân nghèo, những người có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ Tết cho người nghèo hàng năm. Đồng thời, phối hợp tiếp nhận hàng trăm tỷ đồng hỗ trợ công tác an sinh xã hội, góp phần thực hiện tốt chương trình giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh. Quỹ cứu trợ tỉnh vận động được hơn 52,4 tỷ đồng, kịp thời phân bổ ủng hộ đồng bào bị thiên tai, hỏa hoạn, sự cố nghiêm trọng, góp phần giúp đỡ Nhân dân khắc phục hậu quả, ổn định cuộc sống. “Quỹ ủng hộ Trường Sa” tỉnh vận động hơn 16,8 tỷ đồng, kịp thời hỗ trợ cán bộ, chiến sỹ và nhân dân huyện Đảo Trường Sa xây dựng công trình nhà ở cho bộ đội trên đảo Sơn Ca và thăm hỏi, hỗ trợ cán bộ, chiến sỹ tham gia bảo vệ chủ quyền biển đảo thiêng liêng của Tổ quốc. Năm 2020, 2021, đã huy động Quỹ ủng hộ phòng chống, dịch bệnh Covid-19 tỉnh được 85,426 tỷ đồng tiền mặt; 26.938 tấn rau, củ, quả; 472 tấn gạo và nhiều trang thiết bị, nhu yếu phẩm khác để kịp thời hỗ trợ nhân dân trong và ngoài tỉnh gặp khó khăn do dịch bệnh và hỗ trợ các lực lượng tuyến đầu phòng, chống dịch trên địa bàn tỉnh.

¹⁹ Điển hình như: Nông dân xây dựng phong trào “Nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; Phụ nữ xây dựng cuộc vận động “5 không, 3 sạch”, “Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc”; Công nhân thực hiện phong trào thi đua “Lao động giỏi, lao động sáng tạo”; Đoàn thanh niên với phong trào “Xây dựng giá trị hình mẫu Thanh niên Việt Nam thời kỳ mới”, “Học tập sáng tạo vì sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”, “Sáng tạo trẻ”; Hội Chữ thập đỏ xây dựng cuộc vận động “Mỗi tổ chức, mỗi cá nhân gắn với một địa chỉ nhân đạo”, Cựu chiến binh có phong trào “Cựu chiến binh gương mẫu”, “Cựu chiến binh giúp nhau làm kinh tế”; Hội Khuyến học xây dựng phong trào “Thi đua khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời”; Hội Người cao tuổi triển khai “Chương trình người cao tuổi tham gia bảo vệ môi trường và xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, “Tuổi cao gương sáng”...

đoàn kết toàn dân tộc

Đến tháng 7/2022, Đảng bộ tỉnh có 776 tổ chức cơ sở đảng (273 đảng bộ cơ sở, 503 chi bộ cơ sở); 3.082 chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở (2.297 chi bộ trực thuộc xã, phường, thị trấn) với 48.015 đảng viên, không còn cơ sở “trắng đảng viên”. Các cấp ủy đảng chú trọng đổi mới phương thức lãnh đạo đối với hệ thống chính trị. Trước hết là đổi mới, nâng cao chất lượng hoạch định đường lối, cụ thể hóa việc ban hành các nghị quyết, chỉ thị,... Đổi mới hình thức tổ chức học tập, quán triệt, triển khai thực hiện và sơ kết, tổng kết các chủ trương, nghị quyết của Đảng. Mở rộng dân chủ đi đôi với tăng cường, giữ vững kỷ luật, kỷ cương và nguyên tắc của Đảng. Đổi mới phương pháp, phong cách, tác phong, lề lối làm việc của các cấp ủy từ tỉnh đến cơ sở. Phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên. Việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII), Chỉ thị 05-CT/TW về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đạt kết quả tốt, trở thành nhiệm vụ thường xuyên của mỗi tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên, góp phần ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân

1.1. Ưu điểm và nguyên nhân của ưu điểm

1.1.1 Ưu điểm

Nhận thức của hệ thống chính trị, các tầng lớp nhân dân về phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc có nhiều chuyển biến tích cực, là yếu tố quan trọng góp phần tạo nên sự đồng thuận trong nhân dân về thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của tỉnh.

Kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển nhanh chóng, tỷ lệ hộ nghèo giảm, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng lên, an sinh xã hội được tăng cường, khuyến khích mọi người vươn lên làm giàu chính đáng; giải quyết tốt các vấn đề xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội. Việc phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng ở các vùng trọng điểm, vùng đồng bào DTTS, đồng bào tôn giáo được chú trọng góp phần khắc phục sự chênh lệch trong phát triển giữa các vùng, miền, khu vực; phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong điều kiện mới.

Hệ thống chính trị ở cơ sở có nhiều chuyển biến tích cực, chất lượng tổ chức cơ sở đảng được nâng cao, thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, đưa phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” tiếp tục đi vào cuộc sống, không ngừng nâng cao trình độ dân trí, dân sinh, dân chủ ở cơ sở.

Các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, tập trung hướng mạnh về cơ sở. Thực hiện tốt vai trò là người đại diện, bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp của đoàn viên, hội viên; phát huy vai trò của nhân dân trong giám sát, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền. Hệ thống tổ chức MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội được kiện toàn, củng cố; giữ vai trò nòng

cốt trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Các phong trào thi đua yêu nước gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh được triển khai thực hiện đi vào nền nếp và từng bước nâng cao chất lượng.

Công tác xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng được đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ, quyết liệt, có hiệu quả rõ rệt.

1.1.2. Nguyên nhân của ưu điểm

Đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng, nội dung Nghị quyết đại đoàn kết là phù hợp, đáp ứng được đòi hỏi của các giai cấp, tầng lớp xã hội. Hệ thống chính sách, pháp luật của nhà nước ngày càng được bổ sung, hoàn thiện hơn, đáp ứng yêu cầu phát triển của đời sống xã hội.

Đảng bộ và Nhân dân các dân tộc tỉnh Lâm Đồng nhận được nhiều sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sát sao, kịp thời của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các Bộ, Ngành Trung ương.

Các cấp ủy đảng, chính quyền thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo sát sao, kịp thời. Sự phối hợp chặt chẽ của các cấp, các ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc triển khai, tổ chức thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội phát huy hiệu lực, hiệu quả hoạt động. Nội dung và phương thức hoạt động có nhiều đổi mới. Phát huy được vai trò đại diện bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân. Thực hiện tốt vai trò tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Nhân dân các dân tộc trong tỉnh giữ gìn, phát huy truyền thống yêu nước, tinh thần tương thân, tương ái, đoàn kết, gắn bó, yêu thương nhau.

1.2. Hạn chế và nguyên nhân của hạn chế

1.2.1. Hạn chế

Chênh lệch về đời sống vật chất, tinh thần giữa thành thị và vùng sâu, vùng xa còn khoảng cách lớn, phân hóa giàu nghèo trong các thành phần xã hội vẫn còn cao.

Công tác nắm bắt, phản ánh, phối hợp tham mưu, chỉ đạo giải quyết tâm tư, nguyện vọng chính đáng của nhân dân; phân tích, dự báo diễn biến tình hình. Nhất là những vấn đề bức xúc, phức tạp nổi cộm liên quan đến dân tộc, tôn giáo, an ninh nông thôn, có lúc, có nơi chưa cụ thể, chính xác, kịp thời, thiếu chặt chẽ và đồng bộ. Mặc dù đời sống một bộ phận nhân dân ở vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào DTTS được quan tâm nhưng vẫn còn nhiều khó khăn; kết cấu hạ tầng một số địa phương còn chưa đồng bộ.

Việc phát huy vai trò của chính quyền trong thực hiện chính sách đại đoàn kết có nơi, có lúc hiệu quả chưa cao. Công tác dân vận chính quyền có sự chuyển biến tích cực nhưng chưa đáp ứng với yêu cầu và sự kỳ vọng của nhân dân. Công tác cải cách thủ tục hành chính và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở còn nhiều bất cập. Vẫn còn một bộ phận cán bộ, công chức thiếu tinh thần trách nhiệm, gây

phiền hà, khó khăn cho các tổ chức và cá nhân khi đến liên hệ công việc.

Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một số tổ chức cơ sở đảng còn yếu. Nhất là việc cụ thể hoá các chủ trương, nghị quyết của Đảng ở địa phương có nơi còn lúng túng, bị động, chưa đủ sức giải quyết những vấn đề phức tạp nảy sinh từ cơ sở. Chất lượng hoạt động của HDND cấp huyện, cấp xã còn hạn chế. Việc quản lý điều hành của chính quyền cơ sở theo pháp luật còn lúng túng, hiệu quả chưa cao. Một số đối tượng còn lợi dụng các vấn đề dân tộc, tôn giáo để truyền đạo trái phép, tuyên truyền, lôi kéo quần chúng chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc.

1.2.2. Nguyên nhân của hạn chế

Một số nơi, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở chưa thực sự sát dân, không nắm được diễn biến tư tưởng, tâm tư, nguyện vọng của nhân dân. Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân chưa gắn liền với giải quyết những bức xúc, nhu cầu chính đáng của nhân dân,... Bên cạnh đó, các luồng thông tin dư luận, các trang mạng xã hội của các thế lực thù địch, chống phá luôn tác động tiêu cực đến quần chúng nhân dân.

Cấp ủy, chính quyền một số nơi chưa đề cao trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo công tác dân vận trong các cơ quan nhà nước các cấp. Có nơi còn “*khoán trắng*” công tác vận động quần chúng cho Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

Chế độ, chính sách cho cán bộ ở cơ sở, thôn, khu phố còn những bất cập.

Một bộ phận người dân còn trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước, thiếu ý chí tự lực, tự cường, chủ động vươn lên trong cuộc sống.

2. Bài học kinh nghiệm

Một là, xác định rõ xây dựng, củng cố, phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của cả hệ thống chính trị, là trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị. Phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của tổ chức đảng, quản lý điều hành của chính quyền, công tác tuyên truyền, vận động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên, xây dựng vững chắc mối quan hệ máu thịt giữa Nhân dân với Đảng, Nhà nước.

Hai là, tập trung phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, giải quyết tốt quan hệ lợi ích giữa các giai cấp, tầng lớp xã hội, kết hợp hài hòa lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và toàn xã hội. Chăm lo nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, đảm bảo an sinh xã hội, công bằng xã hội gắn với phát huy dân chủ, phát huy vai trò làm chủ thực sự của nhân dân trên mọi mặt của đời sống xã hội.

Ba là, có cơ chế, chính sách phù hợp phát huy vai trò của các giai cấp, tầng lớp, thành phần xã hội, củng cố vững chắc liên minh công - nông - trí. Thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo, doanh nhân. Tạo sự đồng thuận xã hội vì mục tiêu chung xây dựng quê hương phát triển bền vững, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Bốn là, phát huy vai trò nòng cốt trong tập hợp, vận động nhân dân của các tổ chức chính trị - xã hội, MTTQ Việt Nam và các tổ chức thành viên. Đồng thời,

phải thường xuyên đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, sâu sát quần chúng, cơ sở, quan tâm đến quyền lợi chính đáng của người dân, là “cầu nối” giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân, góp phần làm cho mối liên hệ giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân ngày càng khăng khít, đảm bảo “ý Đảng lòng dân”.

Năm là, nâng cao tinh thần cảnh giác, sự nhạy bén trong nhận diện và kiên quyết đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch, phá hoại, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ngay từ địa bàn dân cư.

Phần thứ hai

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

Thuận lợi: Hội nhập quốc tế sâu rộng, Việt Nam gia nhập các tổ chức quốc tế và khu vực chịu ảnh hưởng, chi phối bởi các công ước quốc tế, luật pháp quốc tế. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã và đang tác động mạnh mẽ đến tất cả các lĩnh vực của đời sống, xã hội, làm thay đổi tư duy và lối sống của người dân. Khối đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục được củng cố và tăng cường, niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước tiếp tục được nâng lên, thể trận lòng dân ngày càng vững chắc. Trình độ dân trí ngày càng được nâng cao. Nhân dân ngày càng ý thức hơn đối với việc bàn bạc, quyết định các vấn đề liên quan trực tiếp đến người dân.

Bên cạnh những thuận lợi nêu trên, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong tình hình hiện nay cũng đứng trước một số khó khăn, thách thức: Mâu thuẫn, xung đột, cạnh tranh nước lớn; hoạt động tôn giáo cực đoan; dân tộc hẹp hòi, ly khai,... có thể tác động đến xây dựng, phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Các thế lực thù địch luôn tìm mọi âm mưu, thủ đoạn hòng chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Bốn nguy cơ (1) Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới, do điểm xuất phát thấp; (2) Nguy cơ sai lầm đường lối, đi chệch định hướng xã hội chủ nghĩa; (3) Nguy cơ tham nhũng và tệ quan liêu, lãng phí; (4) Nguy cơ “*Diễn biến hoà bình*” của các thế lực thù địch, phản động mà Đảng ta đã chỉ ra vẫn còn nguyên tính thời sự, không thể chủ quan.

2. QUAN ĐIỂM

Đại đoàn kết dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là sự nghiệp của toàn dân tộc, động lực và nguồn lực to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Dựa trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách, quy định nhằm giải quyết hài hòa quan hệ lợi ích hợp pháp, chính đáng và không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của các giai cấp, các tầng lớp nhân dân. Không ngừng bồi dưỡng, nâng cao tinh thần yêu nước, tinh thần tự lực, tự cường xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Thực hiện dân chủ gắn liền với giữ gìn kỷ cương, chống quan

liêu, tham nhũng, lãng phí.

Phát huy vai trò của MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Tăng cường mối quan hệ gắn bó máu thịt giữa Nhân dân với Đảng và chính quyền. Tăng cường đồng thuận xã hội, tạo thành sức mạnh to lớn, bảo vệ và xây dựng nước Việt Nam giàu mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, nhân dân có cuộc sống ấm no và hạnh phúc.

3. MỤC TIÊU

Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, ý chí tự lực, tự cường của các dân tộc; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo nên sức mạnh tổng hợp thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội trong giai đoạn mới. Hiện thực hóa mục tiêu phát triển tỉnh Lâm Đồng ngày càng phát triển, thịnh vượng, trở thành tỉnh phát triển khá của cả nước. Góp phần xây dựng xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, đưa đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

4. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

4.1. Tăng cường tổ chức tuyên truyền, quán triệt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về đại đoàn kết dân tộc. Trọng tâm là Nghị quyết số 23-NQ/TW về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, Kết luận số 57-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW. Tiếp tục nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị và nhân dân về tầm quan trọng của việc phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc.

Cụ thể hoá các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng về đại đoàn kết toàn dân. Thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách, quy định nhằm giải quyết hài hòa quan hệ lợi ích hợp pháp, chính đáng và không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

4.2. Đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, tập trung giảm nghèo, nâng cao đời sống Nhân dân, đảm bảo an sinh xã hội; động viên, tạo điều kiện cho các tầng lớp Nhân dân, thành phần xã hội tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, thi đua sản xuất, kinh doanh, vươn lên làm giàu chính đáng. Thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về các vấn đề xã hội, dân tộc, tôn giáo; đẩy mạnh thực hiện các chính sách đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về tôn giáo; tập trung xây dựng người có uy tín trong đồng bào DTTS, tín đồ, chức sắc tôn giáo, gắn phát triển kinh tế với giải quyết tốt các vấn đề xã hội, thu hẹp khoảng cách về đời sống, thu nhập, hưởng thụ giữa các vùng, các dân tộc.

4.3. Đổi mới mạnh mẽ, toàn diện tổ chức bộ máy, nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội. Thực hiện đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, vận động, đoàn kết tập hợp nhân dân các dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam ở nước ngoài phù hợp, đảm bảo tính thiết thực, hiệu quả. Chú trọng xây dựng, củng cố liên minh công nhân, nông dân, trí thức. Tổ chức

thực hiện hiệu quả hoạt động giám sát và phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền. Mở rộng dân chủ, phát huy vai trò nhân dân tham gia giám sát cán bộ, đảng viên thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW và đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hóa*” trong nội bộ theo Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII). Nâng cao vai trò, trách nhiệm đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, đoàn viên, hội viên. Đổi mới công tác nắm bắt, dự báo tình hình tư tưởng các tầng lớp nhân dân. Chủ động đề xuất, kiến nghị với cấp ủy, phối hợp với chính quyền giải quyết những tâm tư, nguyện vọng chính đáng, những vấn đề bức xúc trong nhân dân.

Quan tâm phát triển giai cấp công nhân cả về số lượng và chất lượng; nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động thích ứng với cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân. Đổi mới nội dung và phương thức hoạt động công đoàn; định hướng và quản lý tốt sự ra đời và hoạt động các tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp.

Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong quá trình phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới. Gắn xây dựng giai cấp nông dân với đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Huy động và phát huy mọi nguồn lực từ nông dân cùng với các nguồn lực khác để phát triển nền nông nghiệp bền vững, toàn diện và hiện đại. Phát huy vai trò chủ thể của nông dân. Nhất là “*nông dân thế hệ mới*” tiếp tục sáng tạo và làm giàu từ nông nghiệp. Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động tổ chức hội nông dân.

Xây dựng đội ngũ trí thức ngày càng lớn mạnh, có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế. Ưu tiên đầu tư môi trường làm việc, nghiên cứu, đổi mới, sáng tạo của trí thức. Trọng dụng, đãi ngộ nhân tài, các nhà khoa học có trình độ chuyên môn cao. Nhất là các nhà khoa học đầu ngành. Tôn trọng và nâng cao hiệu quả hoạt động tư vấn, giám định, phản biện của các chuyên gia, đội ngũ trí thức.

Phát triển đội ngũ doanh nhân lớn mạnh cả về số lượng, chất lượng và trình độ quản trị, kinh doanh giỏi. Tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho doanh nhân cống hiến tài năng, kinh doanh lành mạnh. Khuyến khích doanh nhân thực hiện trách nhiệm xã hội và tham gia phát triển xã hội. Tạo môi trường thuận lợi cho khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, phát triển sản xuất, kinh doanh.

Tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống văn hóa, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, lòng yêu nước, nuôi dưỡng hoài bão, khát vọng vươn lên cho thế hệ trẻ. Tạo động lực cho thanh niên trong học tập, lao động, sáng tạo, khởi nghiệp, làm chủ các kiến thức khoa học, công nghệ hiện đại, tham gia các phong trào, cuộc vận động về khởi nghiệp, lập nghiệp, xây dựng nông thôn mới, bảo vệ môi trường,... Chăm lo nuôi dưỡng, bảo vệ thiếu niên, nhi đồng, dành những điều kiện tốt nhất, sự chăm lo chu đáo nhất cho trẻ em. Quan tâm, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng bộ đối với việc đổi mới tổ chức hoạt động đoàn thanh

niên, hội liên hiệp thanh niên, đội thiếu niên tiên phong các cấp.

Chăm lo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần phụ nữ, thực hiện tốt bình đẳng giới; tạo cơ hội, môi trường, điều kiện để phụ nữ làm tròn vai trò của mình trong gia đình và xã hội. Có cơ chế, chính sách, tạo điều kiện cho phụ nữ phát triển tài năng trên mọi lĩnh vực; tích cực tham gia các phong trào, cuộc vận động về phát triển kinh tế, làm giàu, xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc,... Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức hội liên hiệp phụ nữ các cấp.

Phát huy vai trò của cựu chiến binh trong xây dựng và bảo vệ Đảng, Nhà nước; đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch. Động viên cựu chiến binh giúp nhau làm kinh tế, cải thiện đời sống và trong giáo dục lòng yêu nước, truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ. Quan tâm hoạt động của tổ chức hội cựu chiến binh các cấp.

Tạo mọi điều kiện để người cao tuổi tiếp tục phát huy trí tuệ, kinh nghiệm trong xã hội, cộng đồng và gia đình. Tiếp tục xây dựng gia đình kiểu mẫu. Bảo trợ, giúp đỡ người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa.

Hỗ trợ, tạo điều kiện để người Việt Nam ở nước ngoài có địa vị pháp lý vững chắc, phát triển kinh tế và đời sống, hòa nhập xã hội tại nước sở tại. Nâng cao hiệu quả công tác bảo hộ công dân, quản lý lao động, du học sinh,... Tạo điều kiện để đồng bào giữ gìn tiếng Việt, bản sắc văn hóa dân tộc, nâng cao lòng tự hào, tự tôn dân tộc. Làm tốt công tác thông tin tình hình trong nước, có chính sách thu hút nguồn lực của người Việt Nam ở nước ngoài đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

4.4. Tiếp tục thực hiện tốt chính sách tôn giáo và pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo. Phát huy những giá trị văn hoá, đạo đức tốt đẹp và các nguồn lực của tôn giáo. Thực hiện quyền bình đẳng, tự do tín ngưỡng của Nhân dân; xây dựng các tôn giáo gắn bó, đồng hành với dân tộc; thực hiện các phong trào thi đua yêu nước “*sống tốt đời đẹp đạo*”.

Chăm lo phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số; xây dựng đội ngũ cán bộ, người có uy tín tiêu biểu trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số; chống kỳ thị dân tộc, dân tộc cực đoan, dân tộc hẹp hòi; đấu tranh với mọi âm mưu chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

4.5. Tiếp tục phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Thực hiện nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước. Dân chủ phải được thực hiện đầy đủ trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội. Bảo đảm điều kiện để nhân dân tham gia ở các khâu của quá trình đưa ra những quyết định liên quan đến lợi ích, cuộc sống nhân dân. Từ đó, đề xuất sáng kiến, tham gia thực hiện, tranh luận đến giám sát quá trình thực hiện.

Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở và phương châm “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*”. Xử lý nghiêm những hành vi lợi dụng dân chủ, nhân quyền để làm mất an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và những hành vi vi phạm quyền dân chủ, làm chủ của nhân dân.

4.6. Nâng cao chất lượng các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước, bám sát nhiệm vụ chính trị, nhu cầu, lợi ích chính đáng của Nhân dân để xác định nội dung, cách thức phát động thi đua sát thực tế của địa phương, đơn vị theo tinh thần Chỉ thị số 17-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Chú trọng phong trào thi đua “*Dân vận khéo*” trong xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh gắn với việc “*Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*” và các phong trào do Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội phát động. Kịp thời khen thưởng, động viên cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong lao động, sản xuất.

4.7. Xây dựng, củng cố tổ chức, bộ máy, đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị các cấp vững mạnh theo tinh thần Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, bảo đảm đủ năng lực lãnh đạo, điều hành và quản lý có hiệu quả mọi mặt của đời sống xã hội.

4.8. Thường xuyên kiểm tra, giám sát chặt chẽ quá trình triển khai thực hiện các Kết luận, Nghị quyết về đại đoàn kết dân tộc. Định kỳ sơ kết, tổng kết kịp thời rút kinh nghiệm và đề ra các chủ trương, giải pháp phù hợp với thực tiễn.

Nơi nhận:

- Ban Chỉ đạo TW Tổng kết NQ số 23-NQ/TW (b/c),
- Ban Dân vận Trung ương (Hà Nội, T78) (b/c),
- Thường trực Tỉnh ủy,
- TT. HĐND, lãnh đạo UBND tỉnh,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
- Các ban của Tỉnh ủy,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Ban Thường vụ Tỉnh đoàn,
- Các thành ủy, huyện ủy,
- đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, XD2.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**

Trần Đình Văn

TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM*Lâm Đồng, ngày 10 tháng 11 năm 2022***PHỤ LỤC BÁO CÁO**

**Tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX)
về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh**

(Kèm theo Báo cáo số 310-BC/TU, ngày 10/11/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

PHỤ LỤC 1

TT	Số; ngày, tháng năm ban hành văn bản	Loại văn bản	Trích yếu văn bản
01	Số 18-NQ/TU, ngày 28/5/2003 của BTV Tỉnh ủy	Nghị quyết	Về chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh
02	Số 23-KH/TU, ngày 04/7/2008 của BTV Tỉnh ủy	Kế hoạch	Về tổng kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW
03	Số 72-KH/TU, ngày 03/3/2010 của BTV Tỉnh ủy	Kế hoạch	Về thực hiện Kết luận số 57-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW
04	Số 72-KH/TU, ngày 01/3/2019 của BTV Tỉnh ủy	Kế hoạch	Về tổng kết 10 năm thực hiện Kết luận số 57-KL/TW, ngày 03/11/2009 thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc
05	56-KH/TU ngày 07/9/2022 của BTV Tỉnh ủy	Kế hoạch	Về tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW

PHỤ LỤC 2**Công tác nghiên cứu, học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW**

Nội dung	Cấp triển khai	Kết quả	Ghi chú
1. Tổ chức quán triệt triển khai Nghị quyết			
Số hội nghị quán triệt riêng Nghị quyết	Cấp tỉnh	03 hội nghị	Cho 280 lượt cán bộ chủ chốt cấp tỉnh và cấp huyện
	Cấp huyện	24 hội nghị	- Cho 1.355 cán bộ chủ chốt cấp xã và 1.002 chức sắc tôn giáo - 3.355 cán bộ, đảng viên thuộc các tổ chức Đảng
Số hội nghị quán triệt Nghị quyết cùng với các văn bản khác của Đảng	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	10 hội nghị	90% cán bộ, đảng viên và nhân dân tham gia
2. Tổ chức kiểm tra, giám sát thực hiện Nghị quyết	Cấp tỉnh	02	